

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DSST

Ngày: 29-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Trung;

Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2019/TLST-DS, ngày 16-01-2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS, ngày 09-5-2019, *giữa:*

Nguyên đơn: Ngân hàng A (A.Bank); Địa chỉ: 89A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ủy quyền cho Ngân hàng A là ông Ngô Văn T và ông Bùi Văn S, cán bộ xử lý nợ KHCN-A.Bank AMC (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13/10/2016 Ngân hàng A (A.Bank) với anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L có ký hợp đồng số: 9163945/VLG/HĐTD cho anh B và chị L vay với số tiền vốn bằng 336.000.000 đồng; Thời hạn vay 36 tháng tính kể

từ ngày giải ngân lần đầu tiên; Mục đích vay: Mua xe Tải Thaoco Ollin 700B-CS/MB-1 thùng mui bạt mới 100%; Lãi suất: 9,9%/năm cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được đình kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng, anh B chị L đã thanh toán vốn cho ngân hàng bằng 111.293.597 đồng, hiện nay nợ vay tính đến ngày 29/5/2019 anh B, chị L còn nợ tổng cộng bằng 306.590.353 đồng (trong đó vốn vay bằng 224.706.403 đồng và tiền lãi bằng 81.883.950 đồng).

Để bảo đảm cho khoản vay trên anh B, chị L có thể chấp tài sản gồm: Quyền sở hữu 01 chiếc xe ô tô Tải, nhãn hiệu POTON, số loại THAOCO, biển số 84C-045.70; số khung RNHA1250AGC007226; Số máy YZ4105ZLQBB04005702 do anh Nguyễn Văn B đứng tên chủ quyền.

Do nợ vay đã đến hạn thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng, nhưng anh B, chị L vẫn không thanh toán nợ đúng hạn theo hợp đồng tín dụng. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện nhưng anh B, chị L không thực hiện. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay trên sang nợ quá hạn và đã thông báo cho anh B, chị L để thu hồi toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay đại diện cho Ngân hàng yêu cầu anh B và chị L thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng vốn vay và lãi tính đến ngày 29/5/2019 bằng 306.590.353 đồng (trong đó vốn vay bằng 224.706.403 đồng và tiền lãi bằng 81.883.950 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2019 cho đến khi anh B, chị L thanh toán xong hợp đồng.

Trường hợp anh B và chị L không thanh toán hết nợ vay đề nghị phát mãi tài sản gồm: 01 chiếc xe ô tô Tải, nhãn hiệu POTON; số loại THAOCO; biển số 84C-045.70; số khung RNHA1250AGC007226; Số máy YZ4105ZLQBB04005702 do anh Nguyễn Văn B đứng tên chủ quyền, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 9163945/VLG/HĐTCSP ngày 13/10/2016 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại bản tự khai bị đơn Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Anh, chị có vay tiền ở Ngân hàng A (A.Bank) theo hợp đồng tín dụng số 9163945/VLG/HĐTD ngày 13/10/2016 với số tiền vốn vay bằng 336.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe Tải Ollin 700B-CS/MB-1 thùng mui bạt mới 100%; biển số 84C-045.70 do anh B đứng tên chủ quyền; Lãi suất: 9,9%/năm cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được đình kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng, sau khi vay tiền mua xe anh, chị nhận xe để chạy còn ngân hàng giữ giấy chủ quyền bản chính của anh chị, thời gian vay anh, chị có thanh toán vốn vay và lãi cho Ngân hàng và hiện nay anh, chị còn nợ lại tiền vốn vay bằng 224.706.403 đồng chưa thanh toán tiếp. Hiện tại chiếc xe anh chị đang quản lý, sử dụng không có cầm cố hay thế chấp cho ai khác. Nay anh, chị thừa nhận còn nợ và đồng ý trả vốn vay và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 11/4/2019 bằng 299.714.337 đồng (trong đó vốn vay bằng 224.706.403 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 bộ hồ sơ vay vốn (bản photo có chứng thực do ngân hàng cung cấp) gồm: 01 đơn khởi kiện (bản chính); 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; 01 quyết định kiểm nhiệm chức danh nhân sự; 01 văn bản ủy quyền; 01 thông báo khởi kiện và thu hồi nợ trước hạn; 01 hợp đồng tín dụng số: 9163945/VLG/HĐTD, ngày 13/10/2016; 01 khế ước nhận nợ; 01 hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9163945/VLG/HĐTCSP; giấy chứng nhận biên pháp giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án; Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên; 01 phụ lục số 04 Văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp tiền phương tiện giao thông; 01 giấy chứng kết hôn của anh B và chị L; 01 điều lệ Ngân hàng; Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng số: 9163945/VLG/HĐTD, ngày 13/10/2016 vay với số tiền vốn bằng 336.000.000 đồng và có thế chấp 01 giấy chủ quyền xe ô tô, biển số 84C-045.70 do anh B đứng tên chủ quyền.

- Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L đồng ý trả tiền vốn vay và lãi cho Ngân hàng theo như Ngân hàng yêu cầu.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Đại diện Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp 01 chiếc xe ô tô Tải, nhãn hiệu POTON; số loại THAOCO; biển số 84C-045.70; số khung RNHA1250AGC007226; Số máy YZ4105ZLQBB04005702 do anh Nguyễn Văn B đứng tên chủ quyền, theo hợp đồng tín dụng số 9163945/VLG/HĐTD ngày 13/10/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (A.Bank) tổng cộng bằng 306.590.353 đồng (trong đó vốn vay bằng 224.706.403 đồng và tiền lãi bằng 81.883.950 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi tất toán xong hợp đồng tín dụng.

Về xử lý tài sản thế chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo cầu của Ngân hàng.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn cư trú tại huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L đều vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B và chị L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị L.

[2] *Về nội dung*: Vào ngày 13/10/2016 Ngân hàng A (A.Bank) với anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L có ký hợp đồng số: 9163945/VLG/HĐTD cho anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L vay với số tiền vốn bằng 336.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe Tải Ollin 700B-CS/MB-1 thùng mui bạt mới 100%; Lãi suất: 9,9%/năm cố định trong 06 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được đình kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng; Để đảm bảo khoản vay anh B và chị L có thể chấp 01 giấy chủ quyền xe ô tô Tải, nhãn hiệu POTON, số loại THAOCO, biển số 84C-045.70; số khung RNHA1250AGC007226; Số máy YZ4105ZLQBB04005702 do anh Nguyễn Văn B đứng tên. Xét lời thừa nhận của anh B và chị L là phù hợp với hợp đồng tín dụng và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp. Như vậy người khởi kiện đã có đủ chứng cứ để chứng minh anh B và chị L có vay và ký nhận tại Ngân hàng tiền vốn vay bằng 336.000.000 đồng, trong thời gian vay anh B và chị L có thanh toán vốn vay bằng 111.293.597 đồng và tiền lãi, hiện nay anh B và chị L còn nợ lại tiền vốn vay bằng 224.706.403 đồng chưa thanh toán tiếp.

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 9163945/VLG/HĐTD ngày 13/10/2016 thì anh B và chị L không trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi theo phân kỳ là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại Điều 6, 7 của hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh B và chị L hoàn trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng là có căn cứ phù hợp với quy định. Kể từ ngày 30/5/2019 nếu anh B và chị L không trả được nợ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng.

[3] *Xét về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng*: Xét thấy hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9163945/VLG/HĐTCSP, ngày 13/10/2016 để đảm bảo vay vốn của anh B và chị L là hợp pháp tại thời điểm giao dịch do đó chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 472 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (A.Bank) yêu cầu anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L hoàn trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 9163945/VLG/HĐTD ngày 13/10/2016 và xử lý tài sản thế chấp.

2. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A (A.Bank) tổng cộng bằng 306.590.353 đồng (trong đó vốn vay bằng 224.706.403 đồng và tiền lãi bằng 81.883.950 đồng).

Kể từ ngày 30/5/2019 cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng số 9163945/VLG/HĐTD ngày 13/10/2016 cho đến khi thi hành án xong.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh B và chị L không trả được nợ thì Ngân hàng A (A.Bank) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp xe ô tô Tải, nhãn hiệu POTON, số loại THAOCO; số khung RNHA1250AGC007226; Số máy YZ4105ZLQBB04005702, biển số 84C-045.70 do anh Nguyễn Văn B đứng tên theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9163945/VLG/HĐTCSP ngày 13/10/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí:

- Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 15.329.517 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng A (A.Bank) không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 6.387.686 đồng theo biên lai thu tiền số 0001364 ngày 16-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

5. **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được

niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm